TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 6 – 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Đình Thành
2. Bà Vũ Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXX - ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST – HNGĐ ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Đào Thị G, sinh năm 1981

* Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1975

Nguyên đơn và bị đơn cùng địa chỉ: thôn A, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà G và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn G, huyện Phước Long vào ngày 11/6/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông Nnghiện rượu, thường xuyên chửi bới, đánh vợ con, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông lẫn nhau, hiện tại vợ chồng còn chung sống cùng nhà với nhau nhưng không ai

quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Bà G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngọc.

Về con chung: Bà và ông Ncó hai con chung tên Nguyễn Huyền T, sinh ngày 16/02/2003 và Nguyễn N Kiều L, sinh ngày 08/8/2010. Cháu Nguyễn Huyền T đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, còn cháu Nguyễn N Kiều L khi ly hôn, bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Ông và bà G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại hôn tại xã Sơn G, huyện Phước Long vào ngày 11/6/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông thừa nhận nguyên nhân do ông hay uống rượu, chửi bới vợ con. Tuy nhiên lý do dẫn đến việc ông chửi và đánh bà G là do ông thấy điện thoại của bà G có tin nhắn của người đàn ông khác nên ông có ghen. Từ tháng 11/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, bà G không còn sự quan tâm, tôn trọng ông. Nhưng ông N không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ con, không muốn con bị ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý.

Về con chung: ông thống nhất vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Huyền T, sinh ngày 16/02/2003 và Nguyễn N Kiều L, sinh ngày 08/8/2010. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Nvẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị G và ông Nguyễn Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn Ginag vào ngày 11/6/2008. Do vậy, hôn nhân giữa bà G và ông N là hợp pháp.

Bà G và ông Nđều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc ông Nthường xuyên uống rượu, vợ chồng không có sự quan tâm, thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông N đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà G có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho bà G được ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: bà G và ông Nco hai con chung tên Nguyễn Huyền Trang, sinh ngày 16/02/2003 và Nguyễn NKiều L, sinh ngày 08/8/2010. Cháu Nguyễn Huyền T đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên cha mẹ không phải nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án ông Nvà bà G đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Nguyễn NKiều L. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Kiều Linh là con gái nên giao cháu cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và việc gia cháu Kiều L cho bà G nuôi dưỡng cũng phù hợp nguyện vọng của cháu L mong muốn được ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà G và ông Nkhông yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: bà Đào Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn N Kiều L, sinh ngày 08/8/2010 cho bà Đào Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nkhông trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: bà Đào Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu số 0008451 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND p. Sơn G, tx Phước Long, BP (số 40, ngày 11/6/2008);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh